

Số: 125/2025/QĐ-UBND

Huế, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy trình rà soát đối tượng, quy định đối tượng ưu tiên thực hiện Dự án 1, Dự án 2 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BDTTG của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4861/TTr-SNV ngày 14 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy trình rà soát đối tượng, quy định đối tượng ưu tiên thực hiện Dự án 1, Dự án 2 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này là quy trình rà soát đối tượng, quy định đối tượng ưu tiên thực hiện Dự án 1, Dự án 2 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2: Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2025.

Điều 3: Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Thủ trưởng các đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Thành ủy;
- HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố;
- HĐND và UBND các phường, xã;
- Công báo thành phố;
- Báo và phát thanh, truyền hình Huế;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

**QUY TRÌNH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG, QUY ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG ƯU
TIÊN THỰC HIỆN DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 2 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN
TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030, GIAI ĐOẠN I:
TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 125/2025/QĐ-UBND)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định quy trình rà soát đối tượng, quy định đối tượng ưu tiên thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết thuộc Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Huế.

Chương II

QUY TRÌNH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 1: GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT

Điều 3. Đối tượng và đối tượng ưu tiên

a) Đối tượng

Quy định tại Điều 4, Điều 6, Điều 8, Điều 10 Thông tư 05/2025/TT-BDTTG.

b) Đối tượng ưu tiên:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở các xã, thôn khác thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Hộ nghèo là người Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 4. Quy trình rà soát đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được giao vốn thực hiện dự án có trách nhiệm thông báo rộng rãi trong thời gian 05 ngày về kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt đến với người hoạt động không chuyên trách ở thôn (Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận, chi hội trưởng các đoàn thể nhân dân, Tổ trưởng an ninh trật tự cơ sở), các hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi của Chương trình, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, nhà sinh hoạt cộng đồng.

b) Trong thời hạn thông báo, hộ gia đình và cá nhân nộp 01 (một) hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. (Mẫu 01)

c) Hình thức nộp hồ sơ

- Trực tiếp;
- Qua dịch vụ công ích;
- Dịch vụ công trực tuyến.

d) Thời hạn rà soát đối tượng

Trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của cá nhân, hộ gia đình. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:

Bước 1. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, xem xét, kiểm tra tổng hợp hồ sơ và giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, tổ chức có liên quan thẩm tra, xác minh hồ sơ.

Bước 2. Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, Phòng Văn hóa – Xã hội giao thôn nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú tổ chức Hội nghị thôn.

Bước 3. Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, sau khi nhận tiếp nhận hồ sơ

từ Phòng Văn hoá – Xã hội, thôn tiến hành Hội nghị thôn. Thành phần tham gia Hội nghị thôn gồm: Cán bộ, công chức cấp xã; Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn; Trưởng ban Công tác Mặt trận; Tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở; Chi hội trưởng các chi hội đoàn thể cấp thôn; các hộ có đăng ký thực hiện Dự án; các hộ gia đình trong thôn (có sự tham gia của ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn). Nội dung: thông qua danh sách đăng ký, rà soát thông tin, thống nhất (bằng hình thức biểu quyết giơ tay) và lập biên bản Hội nghị thôn (*Mẫu 02*).

Bước 4. Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, sau khi nhận được Biên bản Hội nghị thôn, Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chức năng liên quan thẩm định theo quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 11 Thông tư 05/2025/TT-BD TTG.

Bước 5. Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, sau khi nhận được kết quả thẩm định từ Phòng Văn hoá – Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (*Mẫu 03*). Trường hợp hồ sơ đăng ký không đủ điều kiện phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 6. Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử.

Thời gian niêm yết công khai: 10 (mười) ngày làm việc.

Lập Biên bản công khai (*Mẫu 06*).

Bước 7. Sau thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại, phản ánh thì Ủy ban nhân dân cấp xã trả kết quả đến cá nhân, hộ gia đình.

Nơi nhận kết quả.

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã;
- Hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Chương III

QUY TRÌNH RÀ SOÁT ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 2: QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT

Điều 5. Đối tượng

Quy định tại điểm b khoản 1 Mục II Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-TTg.

Điều 6. Quy trình rà soát đối tượng

a) Ủy ban nhân dân cấp xã được giao vốn thực hiện dự án có trách nhiệm thông báo rộng rãi trong thời gian 05 ngày về kế hoạch thực hiện dự án đến người hoạt động không chuyên trách ở thôn (Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn,

Trưởng Ban công tác mặt trận, chi hội trưởng các đoàn thể nhân dân, Tổ trưởng an ninh trật tự cơ sở), các hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi của Chương trình, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, nhà sinh hoạt cộng đồng.

b) Trong thời hạn thông báo, hộ gia đình, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã (*Mẫu 04*).

c) Hình thức nộp hồ sơ

- Trực tiếp;
- Qua dịch vụ công ích;
- Dịch vụ công trực tuyến

d) Thời hạn rà soát đối tượng

Trong vòng 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của cá nhân, hộ gia đình. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các công việc sau:

Bước 1. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, xem xét, kiểm tra tổng hợp hồ sơ và giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, tổ chức có liên quan thẩm tra, xác minh hồ sơ.

Bước 2. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, sau khi nhận tiếp nhận hồ sơ, Phòng Văn hóa - Xã hội tiến hành thẩm tra danh sách, xác định đối tượng và tiến hành thẩm định tại cơ sở. Việc rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng phải đảm bảo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 và Điều 14, Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG.

Bước 3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc sau khi nhận kết quả thẩm tra, thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh (nếu có) và ban hành quyết định phê duyệt danh sách để triển khai thực hiện theo quy định (*Mẫu 05*). Trường hợp hồ sơ đăng ký không đủ điều kiện phê duyệt thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 4. Sau khi có quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ bố trí, ổn định dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng các thôn, thông báo trên các phương tiện truyền thông hoặc trang thông tin điện tử.

Thời gian niêm yết: 10 ngày làm việc.

Lập Biên bản công khai (*Mẫu 06*).

Bước 5. Sau thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại, phản ánh thì Ủy ban nhân dân trả kết quả đến cá nhân, hộ gia đình.

Nơi nhận kết quả.

- Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã;

- Hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Điều 07. Lựa chọn hình thức bố trí ổn định dân cư

Căn cứ số lượng đối tượng thụ hưởng, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp

Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố lựa chọn, quyết định hình thức bố trí ổn định dân cư (tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ) bảo đảm đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẤT Ở/NHÀ Ở/
 ĐẤT SẢN XUẤT/NƯỚC SINH HOẠT**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tôi tên là: Năm sinh: Chủ hộ:

CMND/CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ: Thôn..... Xã Tỉnh/thành phố:

Sau khi nghe phổ biến đầy đủ nội dung chính sách, quy định, định mức, đối tượng ưu tiên đối với hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, trên cơ sở điều kiện thực tế của gia đình, bản thân tôi thấy đủ điều kiện với những quy định của Nhà nước.

Tôi đăng ký được hỗ trợ đất ở/nhà ở/đất sản xuất/nước sinh hoạt :

.....

Chủ hộ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP THÔN BÌNH XÉT ĐỐI TƯỢNG
 ĐƯỢC HỖ TRỢ ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

Thôn:.....Xã:.....
 Tỉnh/thành phố:.....
 Cuộc họp vào hồi..... giờ..... phút ngày.....tháng.....năm.....
 Địa điểm:.....
 Thành phần tham gia:
 - Chủ trì: Ông (bà).....
 Chức vụ:.....
 - Thư ký: Ông (bà).....
 - Ông/bà.....
 - Số hộ nghèo tham gia cuộc họp/số hộ nghèo của thôn:,
 Tỷ lệ: %

Nội dung họp

1. Cuộc họp đã nghe Ông (bà), Chức vụ.....
 phổ biến tiêu chí xác định đối tượng được hỗ trợ trên địa bàn thuộc
 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu
 số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Kết quả bình xét:

TT	Họ tên chủ hộ	Ngày tháng năm được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo	Kết quả bình xét (<i>Số người đồng ý/tổng số người tham dự</i>)	Thuộc đối tượng ưu tiên ¹
1				
2				
3				
...				
	Tổng cộng: hộ			

⁽¹⁾ Ưu tiên (1): Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ưu tiên (2): Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống ở các xã, thôn khác thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ưu tiên (3): Hộ nghèo là người Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Cuộc họp kết thúc.....giờ.....phút cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản lưu thôn, 01 bản báo cáo Ủy ban nhân dân xã.

Trưởng thôn

Bí thư Chi bộ thôn

**Đại diện Ủy ban
nhân dân xã**

**Đại diện Chi hội
đoàn thể thôn**

**Tổ an ninh trật tự
cơ sở**

**Trưởng ban
Công tác Mặt trận**

**Đại diện các hộ
gia đình**

Thư ký

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUYẾT ĐỊNH**
PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐẤT Ở/ NHÀ Ở/ ĐẤT SẢN XUẤT/NƯỚC
SINH HOẠT*Căn cứ Luật Chính quyền địa phương số.....**Căn cứ.....**Theo đề nghị của**Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định.....*

Điều 1: Phê duyệt danh sách.....

Điều 2.....

Điều

Nơi nhận:**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
CHỦ TỊCH

-

-

-

-

- Lưu: VT,.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ VÀ CAM KẾT CỦA HỘ TỰ NGUYỆN DI CHUYỂN
ĐẾN ĐIỂM BỐ TRÍ ỔN ĐỊNH DÂN CƯ.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Tôi tên là: Năm sinh:

CMND/CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Tôi đại diện cho hộ gia đình gồm nhân khẩu (ghi rõ họ tên, năm sinh từng thành viên kèm theo).

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND/CCCD	Địa chỉ hiện tại	Thuộc diện (tự nguyện di chuyển/dời bắt buộc/khác)	Ghi chú
1						
...						
...						
...						

Nay tôi làm đơn này để tự nguyện đăng ký tham gia di chuyển, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại khu vực theo chủ trương của Nhà nước.

Tôi cam kết:

Thực hiện đúng quy định, chính sách của Nhà nước.

Chấp hành sự phân công, bố trí của địa phương.

Kính mong Ủy ban nhân dân xã xem xét, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUYẾT ĐỊNH**
PHÊ DUYỆT DANH SÁCH BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ'.....*Căn cứ Luật Chính quyền địa phương số.....**Căn**cứ.....**Theo đề nghị của**Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định.....*

Điều 1: Phê duyệt danh sách.....

Điều 2.....

Điều.....

Nơi nhận:**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
CHỦ TỊCH-
-
-
-
-
-

- Lưu: VT,.....

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH BỐ TRÍ, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ***(Ban hành kèm theo Quyết định số:.....QĐ-UBND ngày....thángnăm
của Ủy ban nhân dân xã...)*

STT	Họ và tên chủ hộ	Năm sinh	Số CMND/ CCCD	Địa chỉ hiện tại	Số nhân khẩu	Thuộc diện (tự nguyện di chuyển/di dời bắt buộc/khác)	Ghi chú
1							
...							
...							
...							

Tổng số hộ:

Tổng số nhân khẩu:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN CÔNG KHAI DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG**
(Thực hiện Dự án – Quyết định 1719/QĐ-TTg)

Hôm nay, vào lúc ... giờ ..., ngày ... tháng ... năm ..., tại:

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
2. Đại diện thôn:
3. Đại diện các đoàn thể:
4. Đại diện cộng đồng dân cư:
.....

Tiến hành công khai danh sách đối tượng được phê duyệt hỗ trợ..... tại địa bàn xã, gồm:

- Tổng số hộ:
- Tổng số nhân khẩu:

Danh sách chi tiết được niêm yết tại:

- Trụ sở Ủy ban nhân dân xã;
- Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn

Thời gian công khai: từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ...
(03 ngày làm việc).Ý kiến phản ánh, kiến nghị (nếu có):.....
.....

Biên bản lập xong hồi ... giờ ..., cùng ngày. Các thành phần tham dự đã thống nhất ký tên dưới đây:

ĐẠI DIỆN UBND XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên)**ĐẠI DIỆN THÔN**
(Ký, ghi rõ họ tên)**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)**NGƯỜI**
GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)**ĐẠI DIỆN**
CÁC ĐOÀN THỂ
(Ký, ghi rõ họ tên)